

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 27/8/2019

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

-Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thu Hiền

-Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Bích

Ông Nguyễn Ngọc Sửu

-Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Vân - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa:
Ông Đặng Văn Thìn - Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 27/8/2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 66/2019/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 5 năm 2019 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/7/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 21/2019/QĐST-HNGĐ ngày 09/8/2019 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1989 (vắng mặt)

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ: Tầng 3, số 60 đường T, xã T, huyện T, Đài Loan.

- Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn nhận các văn bản tố tụng: Ông Hoàng Văn K, sinh năm 1961; Địa chỉ: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (vắng mặt).

-Bị đơn: Chị Nguyễn Thị B, sinh năm 1995 (vắng mặt).

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang (Hiện đang lao động tại Đài Loan).

Địa chỉ cuối cùng của chị Nguyễn Thị B tại Việt Nam: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai nguyên đơn anh Hoàng Văn T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị B kết hôn ngày 01/4/2014, trước khi kết hôn anh và chị B được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Sau khi kết hôn chị B về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh. Ban đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2015 anh đi lao động tại Đài Loan, đến cuối năm 2016 chị B cũng sang lao động tại Đài Loan. Tuy anh và chị B ở cùng Đài Loan nhưng anh chị không gặp nhau, địa chỉ của chị B anh cũng không biết. Nhưng anh được biết chị B có mối quan hệ bất chính với người khác, anh và chị B đã nói chuyện với nhau và anh đã khuyên giải chị B nhưng chị B không nghe, nên vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung và đến hiện tại anh chị không còn quan tâm đến nhau. Anh đã về Việt Nam còn chị B vẫn ở Đài Loan.

Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang giải quyết cho anh được ly hôn với chị Nguyễn Thị B.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 01 con chung là cháu Hoàng Hà Trà M, sinh ngày 04/01/2015. Hiện tại cháu M đang ở với anh và bố mẹ anh, ly hôn anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được nuôi cháu M. Về cấp dưỡng nuôi con chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh T còn trình bày: chị B đi lao động ở Đài Loan do vợ chồng không liên lạc nên anh không biết địa chỉ của chị B tại Đài Loan, anh có hỏi gia đình chị B địa chỉ của chị B ở Đài Loan để thuận lợi cho việc anh khởi kiện xin ly hôn chị B nhưng gia đình chị B cố tình giấu không cung cấp địa chỉ cho anh biết nên anh không cung cấp cho Tòa án được. Anh chỉ cung cấp được địa chỉ cuối cùng của chị B ở Việt Nam là tại thôn Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Anh đề nghị Tòa án xác minh và yêu cầu mẹ đẻ của chị B là bà Lương Thị L trú tại: Xóm G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang cung cấp thông tin và địa chỉ cụ thể của chị B ở Đài Loan cho Tòa án.

Do anh từ Đài Loan về Việt Nam nghỉ phép, thời gian nghỉ phép không lâu, anh phải quay lại Đài Loan lao động nên anh đề nghị được vắng mặt trong các phiên họp kiểm tra tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh và chị B. Anh ủy quyền cho ông Hoàng Văn K, sinh năm 1961 trú tại Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang là bố đẻ anh nhận các văn bản tố tụng của Tòa án giao cho anh và thông báo lại cho anh biết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị B hiện đang lao động tại Đài Loan không có bản tự khai.

Ngày 28/5/2019 và ngày 04/6/2019 Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị B là bà Lương Thị L, trú tại: xóm G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà L thông báo cho chị B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị B; yêu cầu chị B viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị B ở Đài Loan. Tuy nhiên, qua 2 lần làm việc bà L vẫn giữ nguyên quan điểm là chị B ở Đài Loan vẫn thường xuyên liên lạc về cho gia đình nhưng bà không cung cấp địa chỉ cụ thể của chị B ở Đài Loan cho Tòa án vì đây là việc cá nhân của chị B, đồng thời bà cũng không thực hiện theo yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị B biết để chị B gửi lời khai về. Kể từ đó đến nay Tòa án cũng không nhận được bất kỳ lời khai nào của chị B gửi về.

Tại đơn trình bày ngày 05/8/2019 của ông Hoàng Văn K: Ông K trình bày như sau: Ông là bố đẻ anh Hoàng Văn T và là bố chồng chị Nguyễn Thị B. anh T, chị B đều không có nhà đang lao động tại Đài Loan. Nên cháu Hoàng Hà Trà M, sinh ngày 04/01/2015 là con của anh T, chị B do ông nuôi dưỡng, anh T vẫn gửi tiền về để ông nuôi cháu My, chị B không gửi tiền về nuôi cháu My, rất ít khi gọi điện hỏi thăm con.

Tại phiên tòa sơ thẩm: Nguyên đơn anh Hoàng Văn T vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Chị Nguyễn Thị B vắng mặt không có lý do.

Do vắng mặt các đương sự: Hội đồng xét xử đã công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của anh T, Biên bản làm việc với mẹ đẻ của chị B là bà Lương Thị L và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, tóm tắt nội dung vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật của: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án; về việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn anh Hoàng Văn T có đơn xin vắng mặt chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn chị Nguyễn Thị B đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt.

-Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Hoàng Văn T.

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

- Về con chung: giao cho anh Hoàng Văn T nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Hà Trà M, sinh ngày 04/01/2015. Chị Nguyễn Thị B không phải cấp dưỡng nuôi con chung, chị B có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở chị thực hiện quyền này.

- Anh T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Hoàng Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T.

Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị B: Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành làm việc với mẹ đẻ của chị B là bà Lương Thị L để giao thông báo thụ lý vụ án và yêu cầu bà L thông báo cho chị B biết về việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý vụ án tranh chấp Hôn nhân gia đình giữa anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị B; yêu cầu chị B viết bản tự khai, lời khai về cho Tòa án; Yêu cầu bà L cung cấp địa chỉ cụ thể của chị B ở Đài Loan. bà L trình bày chị B vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình. Tuy nhiên, Tòa án đã yêu cầu đến lần thứ 2 mà bà L vẫn không chịu cung cấp địa chỉ, tin tức của bị đơn chị Nguyễn Thị B cho Tòa án cũng như không chịu thực hiện yêu cầu của Tòa án thông báo cho chị B biết. Đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy Tòa án căn cứ vào Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao niêm yết các văn bản tố tụng cho bị đơn chị Nguyễn Thị B theo quy định của pháp luật. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị B.

[2]. Về thẩm quyền: Anh Hoàng Văn T là nguyên đơn hiện đang lao động nước ngoài về Việt Nam nghỉ phép có đơn xin ly hôn chị Nguyễn Thị B, chị B hiện đang lao động tại Đài Loan nhưng không rõ địa chỉ, địa chỉ cuối cùng của chị B ở Việt Nam: Thôn Y, xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là vụ án tranh chấp hôn nhân và gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang, theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3]. Về quan hệ Hôn nhân: Anh Hoàng Văn T và chị Nguyễn Thị B kết hôn năm 2014 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh T trình bày: Sau khi kết hôn chị B về nhà anh làm dâu ở chung cùng gia đình anh. Đến đầu năm 2015 do kinh tế của hai vợ chồng gặp khó khăn anh đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan, đến đầu năm 2016 chị B cũng sang Đài Loan lao động nhưng hai vợ chồng ở hai nơi khác nhau và anh cũng không biết được địa chỉ của chị B ở Đài Loan, và anh có biết được tin chị B có mối quan hệ với người khác anh có khuyên giải chị B nhưng không có kết quả, nên vợ chồng anh chị có xảy ra mâu thuẫn không tìm được tiếng nói chung và đã không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm không còn nên anh khởi kiện xin ly hôn chị B. Xét yêu cầu khởi kiện của anh T. Hội đồng xét xử thấy:

Anh T và chị B cùng lao động ở Đài Loan nhưng cũng không biết địa chỉ của nhau, không gặp nhau và không chung sống cùng nhau. Không ai quan tâm ai vợ chồng ly thân từ năm 2016 đến nay. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị B đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 53, khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh T. Xử cho anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

[4]. Về nuôi con chung: anh T và chị B có 01 con chung là cháu Hoàng Hà Trà My, sinh ngày 04/01/2015. Hiện tại cháu My đang ở với anh T và bố mẹ anh. Ly hôn anh T đề nghị được nuôi cháu M, không yêu cầu chị B cấp dưỡng nuôi cháu M.

Hội đồng xét xử thấy: Hiện anh T và chị B đều đang lao động tại Đài Loan. Cháu My ở cùng anh T và do ông bà nội là bố mẹ anh T chăm sóc nuôi dưỡng, anh T đi lao động và gửi tiền về cho bố mẹ anh để bố mẹ anh chăm sóc, nuôi dưỡng cháu My. chị B từ khi Tòa án giao thông báo thụ lý vụ án cho gia đình và yêu cầu gia đình thông báo cho chị B biết và gửi ý kiến cũng như niêm yết các căn văn bản tố tụng cho chị B tại nơi địa chỉ cuối cùng của chị B ở Việt Nam. Nhưng từ đó đến khi xét xử sơ thẩm chị B không có ý kiến gì. Để ổn định cuộc sống, nơi ở và tâm lý của cháu My. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Giao con chung là cháu Hoàng Hà Trà My, sinh ngày 04/01/2015 cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Thị B có quyền, nghĩa vụ thăm mon con chung không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Hoàng Văn T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về tài sản, công nợ: anh T xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6]. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng

dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

[7].Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83; khoản 2 Điều 123 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35; điểm c khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 277; khoản 1 Điều 228; Điều 238; khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn T được ly hôn chị Nguyễn Thị B.

2. Về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Hoàng Hà Trà M, sinh ngày 04/01/2015. Chị Nguyễn Thị B có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị B thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn T phải nộp 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0000331 ngày 28/5/2019 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận anh T đã nộp đủ.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Anh Hoàng Văn T đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Chị Nguyễn Thị B hiện đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa có thời hạn kháng cáo bản án là 01 tháng kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Y, huyện Y, tỉnh Bắc Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã Ký)**

Hoàng Thị Thu Hiền

